

Tinh thần phụng đạo yêu nước của các tăng sĩ Quảng Ngãi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc

ISSN: 2734-9195 15:25 04/12/2025

Tinh thần phụng đạo yêu nước của Tăng sĩ Quảng Ngãi là một minh chứng sinh động của lòng từ bi, nhập thế, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc, biến lý tưởng Bồ tát đạo thành trách nhiệm cứu nước.

Tác giả: **Phạm Thị Thanh Viên (SC.Trung Bảo Giác Ngọc) (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Dẫn nhập

Tinh thần phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân không chỉ là truyền thống quý báu của Phật giáo Việt Nam được hun đúc qua hơn 2000 ngàn năm dựng nước và giữ nước mà còn được kết tinh trong sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, góp phần làm nên những thắng lợi lịch sử hào hùng, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với bước chuyển mình đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước. Trong dòng chảy đó, Quảng Ngãi là vùng đất kiên trung đã sản sinh ra những người con giác ngộ lý tưởng cứu nước, giúp dân từ những ngày đất nước đương đầu cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ.

Các Tăng sĩ Quảng Ngãi với ý thức trách nhiệm đã chủ động phát huy truyền thống đồng hành cùng dân tộc bằng hành động rời thiền môn, dẫn thân vào cuộc đấu tranh giành độc lập. Tinh thần này được minh chứng qua hình ảnh ngài Ấn Hướng Nguyễn Tấn Kỳ, Giảng sư Trí Thuyên, ngài Phước Hậu Phạm Thông, ngài Thích Hạnh Đức, Hoà thượng Thích An Tường. Trên cơ sở đó, bài viết nhằm khẳng định tinh thần nhập thế tích cực của Phật giáo, ghi nhận và tôn vinh đóng góp của Tăng sĩ Quảng Ngãi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, đồng thời rút ra bài học để phát huy hơn nữa tinh thần “tốt đời đẹp đạo” trong công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung

1. Bối cảnh lịch sử



Hình mang tính minh họa (nguồn: Internet)

Kể từ năm 1858, Việt Nam bước vào thời kỳ biến động lớn khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược, từng bước thiết lập ách đô hộ, làm thay đổi sâu sắc bức tranh chính trị - xã hội nước ta. Từ ngọn nguồn đó, các phong trào đấu tranh yêu nước, tiêu biểu là phong trào Cần Vương (1885 - 1896), tư tưởng canh tân mang khuynh hướng tư sản và nhất là phong trào cộng sản quốc tế với hệ quả cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã làm nên thắng lợi Cách mạng Tháng Tám 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thế nhưng, đất nước lại đối diện với hai cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ hai (1946 - 1954) và chống Mỹ (1954 - 1975). Theo đó, Quảng Ngãi là nơi diễn ra chiến trường ác liệt của Liên khu V. Do vậy, nhiều tầng sĩ phát huy tinh thần “Phật giáo thị nhập thế nhi phi yếm thế / Từ bi nãi sát sinh dĩ độ chúng sinh” (2), cùng với thấu triệt “không có gì quý hơn độc lập tự do”, đã thực thi lời hiệu triệu “cởi cà sa khoác chiến bào”, tự nguyện dấn thân vào sự nghiệp kháng chiến cứu quốc.

2. Những tấm gương tiêu biểu trong kháng chiến cứu nước

2.1 Ngài Ấn Hướng Nguyễn Tấn Kỳ (1857 - 1912)

Ngài thế danh Nguyễn Tấn Kỳ, quê xã Bình Sơn. Về năm sinh, theo bia tháp và long vị ghi năm Đinh Tỵ tức năm 1857. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Luận, thân mẫu là cụ bà Trương Thị Hiếu. Ngài sinh ra trong gia đình có truyền thống Nho giáo, văn võ kiêm toàn (3).

Lúc 27 tuổi, chứng kiến cảnh Pháp bóc lột nhân dân ta, ngài đã liên lạc và kết thân với các nhà yêu nước Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân. Sau khi kinh đô Huế thất thủ vào ngày 05/07/1885, Lê Trung Đình cùng Nguyễn Tự Tân “*đề xướng phong trào Nghĩa hội, tập hợp những nghĩa sĩ yêu nước để cướp chính quyền tại tỉnh rồi sẽ dùng lực lượng tiến về Kinh đô giúp vua Hàm Nghi khôi phục lại kinh thành Huế*” (4). Trong thời gian này, ngài gia nhập Nghĩa hội Cần Vương. Đến ngày 13/07/1885, Nguyễn Tấn Kỳ cùng Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân đưa nghĩa binh về đánh chiếm thành Quảng Ngãi. Sau khi chiếm thành được 05 ngày, nghĩa binh bị quân Pháp liên kết với Nguyễn Thân đem quân sơn phòng đến chiếm lại thành. Kết quả Nguyễn Tự Tân, Lê Trung Đình cùng nhiều chí sĩ khác hy sinh. Còn ngài bị Nguyễn Thân bắt đem về sơn phòng. Hai ngày sau, ngài trốn thoát. Nhìn chung, “*Đây là cuộc khởi nghĩa đầu tiên hưởng ứng phong trào Cần vương cứu nước, đóng vai trò châm ngòi và khởi động cho nhiều cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh bùng nổ ngay sau đó, làm cho kẻ thù và tay sai hoảng hốt, lo sợ. Sau khi cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình thất bại, những thủ lĩnh còn lại của Nghĩa hội Quảng Ngãi như Nguyễn Bá Loan, Tôn Tường, Thái Thú, Nguyễn Vịnh, Nguyễn Tấn Kỳ... đã cùng nhau tập hợp lực lượng cũ, phát triển thêm lực lượng mới*” (5).

Với lòng yêu nước thương dân, ngài bí mật dẫn hai người em là Nguyễn Tấn Dực và Nguyễn Tấn Quy lên vùng núi huyện Trà My (Quảng Nam) tham gia nghĩa quân do Nguyễn Duy Hiệu làm thủ lĩnh. Nghĩa binh ở hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi đã giao chiến với quân của Nguyễn Thân tại trận Cầu Cháy thuộc khu vực xã Bình Hiệp. Kết quả Nguyễn Tuyên chết tại trận, nghĩa binh Cần Vương tổn thất nặng nề.

Mặc dù, lòng yêu nước nồng nàn nhưng thời cơ chưa đến, cho nên cuối năm 1888 ngài ẩn thân với câu thơ “Cái dùi lực sĩ quăng đầu đó/ Nương cửa bồ đề đỡ chuối xôi”. Kế đến, ngài xuất gia với Hoà thượng Chương Nhẫn Từ Nhân tại Tổ đình Sắc tứ Viên Quang, được đặt pháp danh là Ấn Hướng, tự Tổ Đồng, hiệu Pháp Nhẫn, nối pháp đời 39 tông Lâm Tế và thuộc thế hệ thứ 6 Thiền phái Chúc Thánh (6).

Với sự tu hành nghiêm mật, ngài tiếp tăng độ chúng và khai mở Đại giới đàn vào ngày 06/07/1896 do ngài làm Hoà thượng Đường đầu tại chùa Tiên Long Thạch Động.

Cuối thế kỷ XIX, ngài bị Nguyễn Thân bắt về Huế, giam ở lao Thừa Phủ. Sau một thời gian dài bị tra khảo nhưng không có kết quả, ngài được trả về quê. Năm 1910, ngài về tại quê nhà ở thôn Châu Tử kiến lập Phước Sơn am để tu hành. Ngày 25/08/1912, ngài thị tịch tại đây.

2.2 Giảng sư Thích Trí Thuyên (1923 - 1947)



(Ảnh: Internet)

Ngài thế danh Trần Trọng Thuyên, quê làng Sung Tích. Thân phụ là cụ ông Trần Phước Huy. Ngài xuất gia từ nhỏ tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn với Hòa thượng Tăng cang Chơn Trung Diệu Quang.

Năm 1943, ngài tốt nghiệp khóa Đại học Phật giáo đầu tiên tại Trường An Nam Phật học. Năm 1944, thọ Cụ túc giới tại Tổ đình Thuyền Tôn do Hòa thượng Giác Nhiên làm Đường đầu. Sau đó, ngài được cử đến hoàng pháp tại Tùng Lâm Kim Sơn vùng Lữ Bảo. Năm 1946, Pháp quay lại xâm lược Việt Nam. Là giảng sư trẻ đầy tâm huyết, ngài nổi bật với các bài pháp thoại phản ánh tinh thần yêu nước, đoàn kết, chống áp bức. Có thể thấy rằng: *“Tinh thần yêu nước, thương đồng bào của Ngài thể hiện rõ nét qua hành động tham gia dạy học chống mù chữ cho nhân dân, tổ chức phong trào từ thiện quyên góp cứu trợ nạn đói đang hoành hành đồng bào cả nước bởi cuộc chiến gây ra. Tại Kim Sơn, Ngài đã nhịn bớt phần ăn của mình để lấy gạo nấu cơm phát cho dân nghèo đói, việc đó khiến cho mật thám Pháp theo dõi”* (7). Đây là hành động vô úy nói lên tư tưởng chống Pháp, giúp dân của ngài.

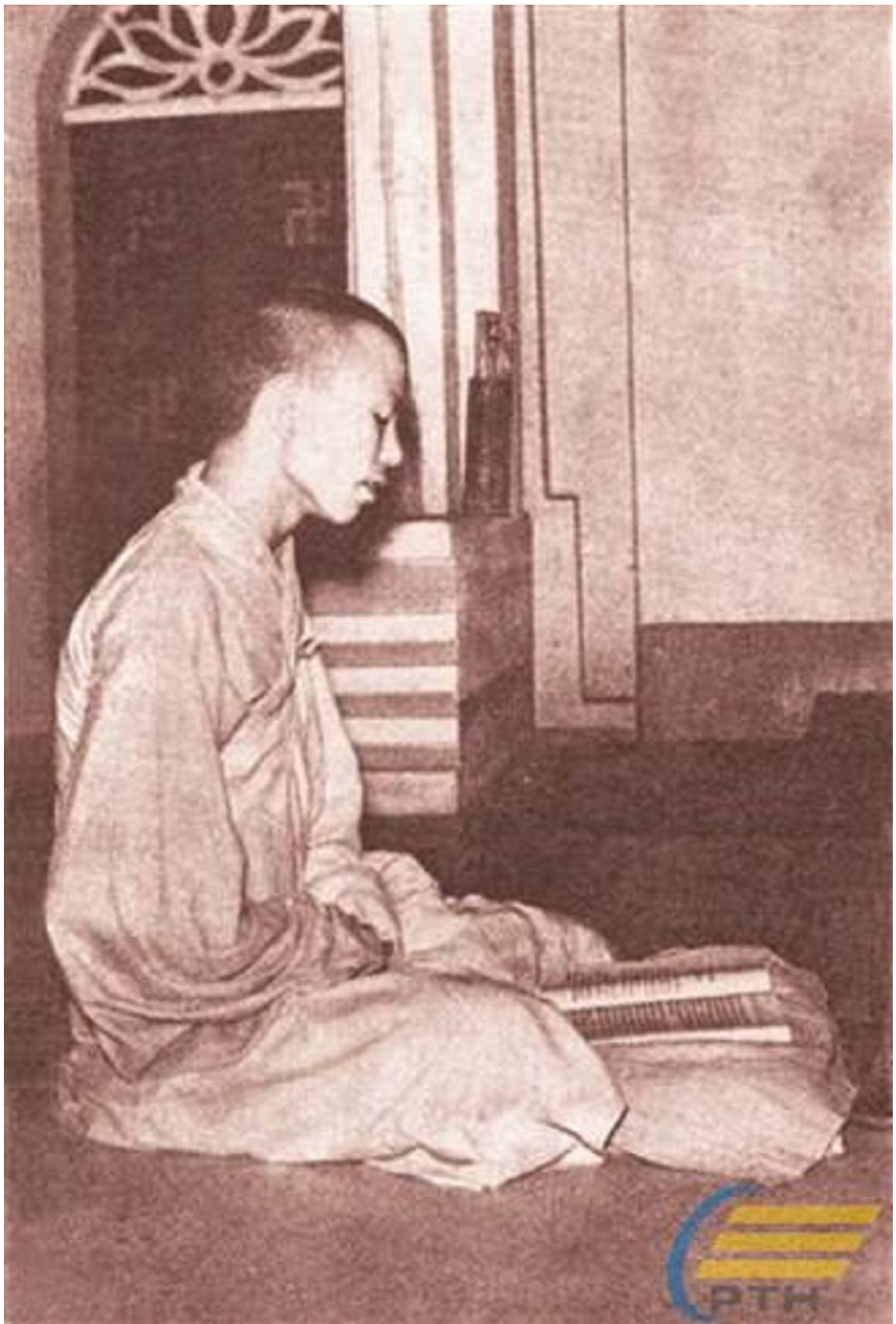
Chứng kiến nhiều pháp tử lên đường nhập ngũ, ngài tình nguyện ở lại chùa Kim Sơn giữ gìn trường học và kinh sách. Ngày 03/03/1947 (nhằm ngày 03/02/Đinh Hợi), ngài bị bắt trong một trận càn quét của Pháp. Trước họng súng giặc, Ngài xin tụng một thời kinh và ngồi kiết già an nhiên đón cái chết khi 24 tuổi, để lại hình ảnh bậc tăng sĩ xả thân vì đạo pháp - dân tộc, ngài được tôn kính như một vị liệt sĩ Phật giáo. Tháp của ngài được tôn tạo tại khuôn viên chùa Kim Sơn. Ngày Phật đản năm 1948, tại Phật học đường Báo Quốc (Huế), học tăng và giáo sư tổ chức lễ truy điệu ngài và cầu nguyện cho tất cả Tăng Ni khác đã hy sinh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

2.3 Ngài Phước Hậu Phạm Thông (1905 - ?)

Ngài thế danh là Phạm Thông, xuất gia tu học với Hoà thượng Tăng cang Hoàng Tịnh trụ trì Tổ đình Sắc tứ Phước Quang xã Tư Nghĩa, được ban pháp danh Chơn Thống, tự Đạo Tô, hiệu Phước Hậu. Sau khi Bốn sư viên tịch năm 1932, ngài về trụ trì chùa Sắc tứ Khánh Long ở xã Long Phụng. Năm 1934, ngài làm đệ tam Dẫn thỉnh tại Đại giới đàn Thạch Sơn. Từ năm 1938 - 1945, ngài làm Tông lâm chánh chủ chư sơn huyện Mộ Đức trong vai trò quản lý tu sĩ và tự viện. Năm 1949 - 1954, ngài đảm nhiệm trụ trì Tổ đình Sắc tứ Phước Quang.

Năm 1954, trong bối cảnh Pháp phá hoại Hiệp định Giơnevơ, hưởng ứng lời kêu gọi đồng bào miền Nam tập kết ra Bắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngài xin hoàn tục, thoát ly thiên môn, tham gia hoạt động cách mạng và sau đó tập kết ra Bắc (8). Mặc dù, tư liệu ghi chép thông tin về ngài còn hạn chế. Thế nhưng, từ cuộc đời của ngài đã thể hiện sự nối kết giữa tinh thần dẫn thân với lý tưởng cách mạng.

2.4 Thánh tử đạo Thích Hạnh Đức (1948 - 1967)



(Ảnh: Internet)

Ngài thế danh Trần Văn Minh quê xã Bình Sơn. Năm 1959, xuất gia với HT. Thích Huyền Đạt tại chùa Viên Giác, được ban pháp danh Thị Hoàng, tự Hạnh Đức, hiệu Giác Bình. Năm 1965, Bổn sư gửi ngài lên chùa Tỉnh Hội để học ngoại điển tại trường Trung học Bồ Đề tỉnh. Năm 1966, thọ giới Sa-di tại chùa Hội

Phước (TP. Quảng Ngãi). Vào năm 1967, Nguyễn Văn Thiệu đưa ra “Hiến chương 23/67” khiến cục diện Phật giáo đứng trước sự chia rẽ nội bộ. Trong làn sóng đấu tranh, ngày 31/10/1967, ngài tự thiêu tại chùa Tĩnh Hội (chùa Pháp Hoá), lúc mới 19 tuổi đời, 9 tuổi đạo với ước nguyện góp phần bảo vệ Hiến chương Giáo hội và lợi ích của đạo pháp (9).

2.5 Hòa thượng Thích An Tường (1926 - 2013)

Ngài thế danh là Trịnh Quang Cân, quê thôn An Châu, xã Bình Thới. Thân phụ là cụ ông Trịnh Quang Tráng, Thân mẫu là cụ bà Dương Thị Lục. Ngài sinh ra trong gia đình có truyền thống xuất gia tu học. Ngài quy y xuất gia với Hoà thượng Chơn Định Phước Huệ, trụ trì Tổ đình Sắc tứ Viên Quang được ban pháp danh Như Tràng, tự Giải Quới. Sau cầu pháp với Hoà thượng Tăng cang Trí Hưng được ban hiệu An Tường, nối pháp đời 41 tông Lâm Tế và thế hệ thứ 8 Thiền phái Chúc Thánh.



(Ảnh: Internet)

Năm 1954, ngài lên chùa Sắc tứ Bắc Ái hành đạo. Năm 1962, ngài kế thế trụ trì Tổ đình Sắc tứ Viên Quang. Từ năm 1967 - 1974, ngài giữ chức Phó Tăng trưởng Tỉnh hội Phật giáo Cổ sơn môn Quảng Ngãi. Trong giai đoạn này, chiến tranh diễn ra tại vùng An Châu quyết liệt, ngài đã tích cực hoạt động nuôi giấu cán bộ

cách mạng, hỗ trợ lương thực cho bộ đội nằm vùng trong lúc khó khăn, nguy hiểm. Đồng thời, ngài còn chia ruộng đất cho nhân dân quanh vùng làm nơi sinh kế. Để ghi nhận công lao đó, ngài được Chủ tịch Nước trao tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và bằng khen của các cấp chính quyền. Như vậy, Hoà thượng An Tường đóng vai trò là cầu nối giữa đạo và đời trong xây dựng quê hương sở tại.

3. Đóng góp của tăng sĩ Quảng Ngãi trong kháng chiến cứu nước

Trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, các Tăng sĩ Quảng Ngãi không chỉ phụng sự đạo pháp bằng sự tu tập mà còn chủ động hiện thực hoá lòng yêu nước bằng hành động cứu nước. Thực tế, những hành động đó đã được chính quyền ghi nhận công lao, tiêu biểu là ngài Nguyễn Tấn Kỳ được biết đến là một trong ba thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Cần Vương đánh chiếm thành Quảng Ngãi ngày 13/05/1885 (10). Do vậy, với khí phách “Quốc gia lâm nguy, thất phu hữu trách” tên ngài được đặt tên cho một con đường ở thành phố Quảng Ngãi.

Đồng thời, hình ảnh Giảng sư Thích Trí Thuyên, Thánh tử đạo Thích Hạnh Đức, ngài Phước Hậu Phạm Thông, Hoà thượng Thích An Tường là minh chứng vì đạo pháp vì dân tộc với khát vọng “Mong đất nước vững bền”. Cho nên, các ngài được tôn vinh là danh tăng Phật giáo Quảng Ngãi. Bên cạnh đó, nhiều ngôi chùa không chỉ là điểm tựa tâm linh, mà còn là căn cứ cách mạng, che giấu cán bộ và tiếp tế vật thực. Để làm được như thế, tăng ni, Phật tử đã nhận thức “*đồng nhất chính nghĩa độc lập với đạo Phật và họ gọi con đường tranh đấu cho độc lập quốc gia của những người kháng chiến là chính đạo*” (11).

Kết luận

Tinh thần phụng đạo yêu nước của Tăng sĩ Quảng Ngãi là một minh chứng sinh động của lòng từ bi, nhập thế, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc, biến lý tưởng Bồ tát đạo thành trách nhiệm cứu nước. Những hành động đó đã khẳng định truyền thống yêu nước chính là yêu đạo, vận mệnh đạo pháp đồng hành cùng vận mệnh dân tộc. Đây là những tấm gương sáng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, nhằm truyền cảm hứng cho thế hệ Tăng Ni, Phật tử về lòng yêu nước, yêu đạo, khơi dậy niềm tự hào, chia sẻ trách nhiệm bằng hành động phụng sự ích nước lợi dân theo phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Thực chất, “Cách mạng là yêu con người và cuộc sống, yêu mọi sự tốt đẹp cho cuộc đời... Có yêu nước thương nòi thì chúng ta sẽ làm những điều tốt đẹp cho

đất nước, cho nhân dân” (12) nhằm góp phần xây dựng và phát triển đất nước hùng cường, hạnh phúc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tác giả: **Phạm Thị Thanh Viên (SC.Trung Bảo Giác Ngọc)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

- 1) *Học viên Cao học, Học viện PGVN tại Huế*
- 2) *Đạo Phật là nhập thế chứ không phải yếm thế. Từ bi là sát sinh để cứu độ chúng sinh.*
- 3) *Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi (2018), Lịch sử Phật giáo và những ngôi chùa Quảng Ngãi, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr. 180 - 181.*
- 4) *Phạm Trung Việt (1969), Non nước xứ Quảng tân biên, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn, tr. 108.*
- 5) *Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2005), Địa chí Quảng Ngãi, tài liệu pdf, tr. 24 - 25.*
- 6) *Thích Như Tịnh (2009), Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh, Nxb. Phương Đông, Hà Nội, tr. 245.*
- 7) *Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi (2018), Lịch sử Phật giáo và những ngôi chùa Quảng Ngãi, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr. 165.*
- 8) *Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi (2018), Lịch sử Phật giáo và những ngôi chùa Quảng Ngãi, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr. 646, tr. 787.*
- 9) *Thích Đồng Bổn biên soạn (2017), Tiểu sử danh tăng Việt Nam, tập II, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 267 - 271.*
- 10) *Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2005), Địa chí Quảng Ngãi, tài liệu pdf, tr. 127.*
- 11) *Nguyễn Lang (1994), Việt Nam Phật giáo sử luận, tập 3, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr. 241.*
- 12) *Thích Chơn Thiện (2016), Trí tuệ và chân thành, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 26.*

Tài liệu tham khảo:

- 1] Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi (2018), *Lịch sử Phật giáo và những ngôi chùa Quảng Ngãi*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- 2] Thích Đồng Bổn biên soạn (2017), *Tiểu sử danh tăng Việt Nam*, tập II, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 3] Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- 4] Thích Như Tịnh (2009), *Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh*, Nxb. Phương Đông, Hà Nội.
- 5] Thích Chơn Thiện (2016), *Trí tuệ và chân thành*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 6] Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2005), *Địa chí Quảng Ngãi*, tài liệu pdf.
- 7] Phạm Trung Việt (1969), *Non nước xứ Quảng tân biên*, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn.